TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 02 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/20243/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: Ấp T H, xã H T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lê Duy K, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp T C, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thuỷ và anh Khánh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H T, thành phố Cà Mau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh K

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Lê Vũ L, sinh năm 2016 và Lê Tiến P, sinh năm 2019. Sau khi ly hôn chị T xin nuôi hai con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị T tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Duy K: Quá trình Toà án triệu tập anh K vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Bích T có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và anh Lê Duy K đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh, chị bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến anh, chị không thể chung sống được với nhau. Toà án đã tống đạt cho anh K biết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, nhưng anh K không có ý kiến gì xem như anh Khánh đã đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Xét thấy, mâu thuẫn của anh, chị đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị Phạm Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Duy K.

[3] Về con chung: Đối với Vũ L tại đơn ghi nguyện vọng của cháu thể hiện là được sống với chị T. Đối với cháu Tiến P hiện nay do chị Thuỷ đang nuôi dưỡng, xét thấy từ ngay anh, chị ly thân đến nay cháu Tiến Phát do chị Thuỷ nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, cần tiếp tục giao hai cháu V L và T P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Chị T xác định không có, anh Khánh không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bích T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Bích T. Cho chị Phạm Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Duy K.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lê Vũ L, sinh năm 2016 và Lê Tiến P, sinh năm 2019 cho chị Phạm Thị Bích T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Lê Duy K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000593 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị Bích T và anh Lê Duy K quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- UBND xã H T, thành phố Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến